

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Lô 6 – 8 – 10 – 12, đường số 3, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, Tp.HCM



SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 13/173
	Giờ: Ngày 20 tháng 04 năm 11

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2010**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2011

MỤC LỤC

I.	TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	3
1.1	30 năm hình thành và phát triển.....	3
1.2	Những thành quả giải thưởng, chứng nhận tiêu biểu	3
1.3	Định hướng chiến lược phát triển	4
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	6
III.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	7
3.1	Báo cáo tình hình tài chính.....	7
	Tăng trưởng doanh thu	8
	Lãi gộp.....	11
	Lợi nhuận	11
	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	11
	Tăng trưởng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu	12
3.2	Hệ thống phân phối trong và ngoài nước.....	13
	Hệ thống phân phối trong nước.....	13
	Thị trường xuất khẩu.....	13
3.3	Những tiến bộ công ty đã đạt được	13
	Hoạt động Kinh doanh	13
	Hoạt động Tài chính – Kế toán	14
	Hoạt động Sản Xuất.....	14
	Hoạt động Mua hàng.....	14
	Hoạt động Nhân sự.....	14
	Hoạt động Công nghệ Thông tin	14
	Hoạt động các Dự án	14
3.4	Những yếu tố thuận lợi và khó khăn	15
	Những yếu tố thuận lợi	15
	Những yếu tố khó khăn.....	15
4.1	Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý	16
4.2	Nguồn nhân lực.....	19
V.	THÔNG TIN CỔ PHẦN	21
	Các thông tin về cổ phiếu.....	21
	Thông tin về cổ tức.....	21
	Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	21
	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	22
	Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Hội đồng Quản trị.....	23
	Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	24
	Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban Kiểm soát	25
VI.	CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	26
6.1	Các công ty con.....	26
6.2	Các công ty liên quan	27
6.3	Các văn phòng đại diện.....	27
VII.	BÁO CÁO QUẢN TRỊ.....	28
	Hoạt động của Hội đồng Quản trị.....	28
	Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành.....	28
	Hoạt động của Ban Kiểm soát.....	28

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty	28
VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	29

I. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1.1 30 năm hình thành và phát triển

Năm 1981, Thiên Long ra đời với các sản phẩm bút bi đầu tiên. Năm 1991, Thiên Long mở rộng thị trường bút viết trong cả nước. Năm 2001, sản phẩm mỹ thuật, học cụ và dụng cụ văn phòng do Thiên Long sản xuất đã chiếm được lòng tin yêu của người tiêu dùng.

Tháng 03 năm 2005, Công ty TNHH SX-TM Thiên Long chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần SX-TM Thiên Long với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Trong năm 2006, Công ty thực hiện phát hành thêm 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên thành 120 tỷ đồng. Năm 2008, Công ty đăng ký với UBCKNN phát hành thêm 3.500.000 cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên thành 155 tỷ đồng. Ngay sau đó, Công ty cũng đã tiến hành đăng ký lại Giấy CNĐKKD với Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Ngày 26 tháng 03 năm 2010, cổ phiếu của TLG đã chính thức được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, sẵn sàng mọi nguồn lực cho chiến lược phát triển vượt bậc trong tương lai.

Năm 2011, Thiên Long đã trở thành Tập đoàn văn phòng phẩm số 1 tại Việt Nam và hàng đầu khu vực với 6 công ty hùng mạnh: (1) Công ty Tập đoàn Thiên Long, (2) Công ty Thiên Long Long Thành, (3) Công ty Thiên Long Hoàn Cầu, (4) Công ty Tân Lực Miền Nam, (5) Công ty Tân Lực Miền Bắc, (6) Công ty Tân Lực Miền Tây và các văn phòng đại diện tại Trung Quốc, Thái Lan, Đông Dương.

1.2 Những thành quả giải thưởng, chứng nhận tiêu biểu

- Được người tiêu dùng bình chọn 14 năm liền (từ năm 1997 đến 2010) là **"Doanh nghiệp hàng Việt Nam Chất Lượng Cao"**.
- Được người tiêu dùng bình chọn sản phẩm Thiên Long là **"Sản phẩm Việt Nam tốt nhất năm 2010"** do báo Sài Gòn Tiếp Thị chứng nhận.
- Đoạt giải thưởng **"Sao Vàng Đất Việt"** từ năm 2003-2010 do Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam chứng nhận.
- Bằng khen của Bộ Giáo Dục - Đào Tạo vì đã có nhiều đóng góp tổ chức thành công chương trình "Tiếp sức mùa thi" từ năm 2002 đến năm 2010.
- Đạt giải bạc giải thưởng Chất lượng Quốc Gia năm 2009-2010 do Thủ tướng Chính phủ trao tặng.
- Đạt giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2007 và 2008 do Bộ Khoa Học và Công Nghệ cấp.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động đầu tư, góp phần vào sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của đất nước năm 2010.
- Đạt giải nhì giải thưởng "Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực lao động" năm 2009 do Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam cấp.
- Được Giải thưởng Công nghệ Xanh năm 2009 do Ban Truyền Thông Môi Trường cấp.

- Được giải nhì và ba giải thưởng "Doanh Nghiệp Xanh" do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp năm 2006, 2008.
- Bằng khen của Giám đốc Sở Giáo Dục và Đào Tạo TPHCM vì đã tích cực tham gia " Ngày hội giáo dục phát triển TPHCM năm 2009"
- Bằng khen của Ủy ban Quốc Gia về hợp tác kinh tế quốc tế vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế năm 2008, 2009
- Được người tiêu dùng bình chọn là vị trí số 1 trong ngành Văn phòng phẩm trong 11 năm liên (từ năm 1998 đến 2008) do Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.
- Đạt "Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam năm 2008" do Phòng Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam cấp.
- Được tạp chí Trí Tuệ trao "Giải thưởng Trí Tuệ năm 2008".
- Được Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam và Văn phòng Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế trao giấy chứng nhận đạt "Doanh nghiệp tổ chức và phát triển hệ thống phân phối tốt nhất năm 2008".
- Bằng khen của UBND Tp.HCM về những thành tích trong triển lãm – hội chợ "Sài Gòn – Tp.HCM 30 năm xây dựng và phát triển" năm 2008.
- Cúp vàng chung cuộc tại Hội chợ HVNCLC Hà Nội 2006; Đạt danh hiệu Doanh nghiệp có các hoạt động tiếp thị tốt nhất tại các kỳ Hội chợ HVNCLC 2006 được tổ chức tại Tp.HCM, Kiên Giang, Buôn Mê Thuột, Đà Nẵng.

1.3 Định hướng chiến lược phát triển

Trong chiến lược phát triển dài hạn, Tập đoàn Thiên Long sẽ:

- Phát triển để trở thành Tập đoàn Văn phòng phẩm số 1 tại Việt Nam và hàng đầu tại Đông Nam Á
- Tập trung vào kinh doanh quốc tế để thâm nhập vào thị trường thế giới (phát triển thành hợp tác sản xuất, mở rộng thị trường xuất khẩu)
- Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm thông qua hàng hợp tác sản xuất, củng cố và đẩy mạnh việc mở rộng thị phần thị trường trong nước
- Tập trung tự động hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất và công suất của các nhà máy trong Tập đoàn, hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm
- Cải tiến kỹ thuật sản xuất nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Đặc biệt, kể từ lúc cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Tp.HCM vào ngày 26 tháng 03 năm 2010, Tập đoàn cam kết thực hiện 4 mục tiêu dưới đây thuộc chiến lược 5 năm (2010 – 2014) của Tập đoàn:

1. Trở thành Tập đoàn VPP số 1 tại Việt Nam và hàng đầu tại Đông Nam Á
2. Chuyên môn hóa và tự động hóa sản xuất

3. Phát triển tất cả các kênh thương mại nội địa và kinh doanh quốc tế
4. Trở thành một trong những công ty có môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, lợi nhuận cao nhất cho Tập đoàn và cổ đông.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tập đoàn Thiên Long kết thúc năm 2010 với nhiều kết quả tốt đẹp!

Lợi nhuận ròng năm 2010 của Tập đoàn Thiên Long đạt mức **71,1** tỷ đồng, tăng 21,3% so với năm 2009, vượt **9,4%** lợi nhuận kế hoạch đã đề ra. Tổng tài sản vào ngày 31/12/2010 đạt mức 752 tỷ đồng, tăng gần 25% so với năm 2009. Tổng nguồn vốn chủ sở hữu vào ngày kết thúc niên độ 2010 tăng 9,1% so với thời điểm kết thúc năm 2009, đạt 391,5 tỷ đồng.

Bên cạnh những con số ấn tượng nêu trên, năm 2010 còn là năm có nhiều sự kiện đáng nhớ của Tập đoàn Thiên Long. Cổ phiếu TLG của công ty mẹ đã được niêm yết chính thức trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM vào ngày 26 tháng 3 năm 2010. Ngoài ra, tiếp theo sự ra đời thành công trong năm 2009 của công ty thứ nhất thuộc hệ thống Tân Lực, vào cuối năm 2010, Tập đoàn Thiên Long đã có thêm hai công ty con với tên gọi công ty TNHH MTV Tân Lực Miền Bắc và công ty TNHH MTV Tân Lực Miền Tây, trong đó Tập đoàn Thiên Long góp 100% vốn. Hệ thống các công ty Tân Lực ra đời nhằm tập trung vào mảng bán hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp (B2B), bán lẻ và bán hàng qua mạng, từng bước bao phủ các kênh tiêu thụ, tạo thế đứng vững chắc cho Tập đoàn Thiên Long ở thị trường trong nước trong tương lai. Giữ vững thị trường trong nước là bàn đạp tốt nhất để Thiên Long thực hiện phát triển kinh doanh quốc tế.

Song song đó, năng lực của Ban Lãnh Đạo Tập đoàn ngày càng được chứng minh và phát huy. Điều này thể hiện trong việc lèo lái thành công con thuyền Thiên Long vượt qua khủng hoảng kinh tế năm 2008, 2009 và 2010 một cách ngoạn mục.

Nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược trở thành Tập đoàn văn phòng phẩm số 1 tại Việt Nam và hàng đầu khu vực, Tập đoàn Thiên Long đã khởi công xây dựng một nhà xưởng với diện tích sử dụng hơn 5.000 m² tại khu vực nhà máy hiện tại nhằm nâng công suất sản xuất từ hơn 45 triệu đơn vị sản phẩm/tháng hiện nay lên 80 triệu đơn vị sản phẩm/tháng vào năm 2014. Khi việc xây dựng nhà máy mới hoàn tất, Thiên Long sẽ tiến hành tự động hóa phần lớn các công đoạn sản xuất nhằm sử dụng tối đa nguồn lực của Tập đoàn.

Với các kết quả đạt được trong năm 2010, Hội Đồng Quản Trị tin rằng Tập đoàn Thiên Long sẽ vững bước tiến vào năm 2011 và hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh đã đề ra cho năm 2011.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Thiên Long trình bày các báo cáo của mình tập trung chủ yếu vào phân tích các hoạt động và các kết quả đạt được trong năm 2010. Đồng thời, báo cáo cũng trình bày và phân tích các thuận lợi và khó khăn mà Tập đoàn đã vượt qua cũng như những thách thức trong thời gian tới.

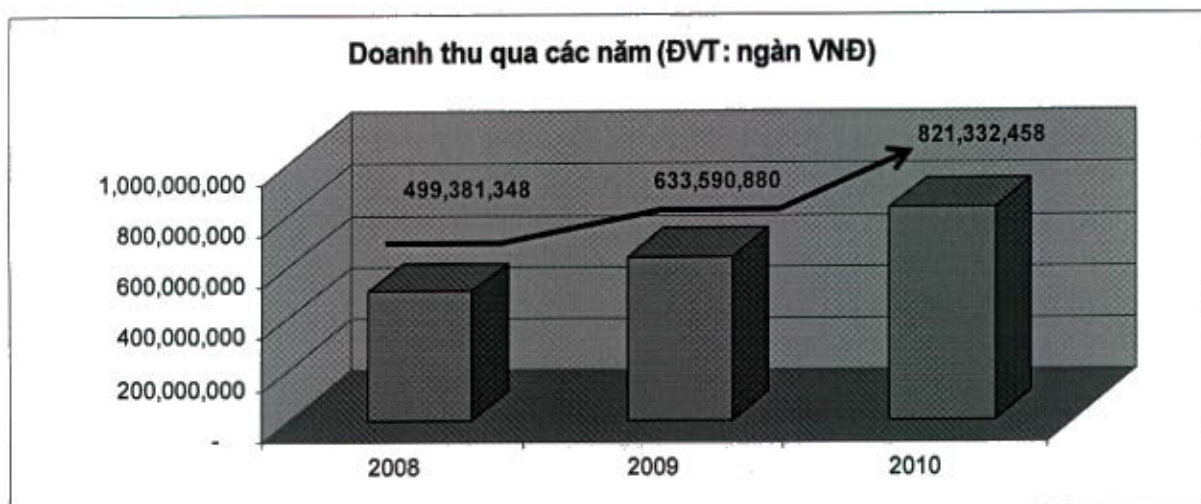
3.1 Báo cáo tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
<i>Đvt: Ngân đồng</i>			
Doanh thu thuần	484.496.777	625.360.362	813.367.594
Tỉ lệ lãi gộp/doanh thu thuần	39,73%	37,59%	35,90%
Chi phí (tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp)	139.687.614	166.660.644	210.472.506
Tỉ lệ chi phí /doanh thu thuần	28,83%	26,65%	25,88%
Lợi nhuận trước thuế	62.796.488	79.023.621	93.464.441
Lợi nhuận sau thuế	46.949.045	58.620.833	71.108.484
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	9,69%	9,37%	8,74%
Tổng tài sản	538.906.870	602.778.186	752.115.343
Nguồn vốn chủ sở hữu	323.272.880	358.818.672	391.561.705
Vốn chủ sở hữu/tổng tài sản	59,99%	59,53%	52,06%
Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	3.150	3.790	4.590

TĂNG TRƯỞNG SO VỚI NĂM TRƯỚC	2008	2009	2010	Bình quân
Doanh thu thuần	17,62%	29,07%	30,06%	25,59%
Lợi nhuận trước thuế	26,49%	25,84%	18,27%	23,53%
Lợi nhuận sau thuế	25,49%	24,86%	21,30%	23,88%
Tăng trưởng tổng tài sản	46,47%	11,85%	24,77%	27,70%
Tăng trưởng nguồn vốn chủ sở hữu	120,16%	11,00%	9,13%	

Tăng trưởng doanh thu

Trong 3 năm 2008 - 2010, Tập đoàn đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm là 25,45%. Năm 2010, doanh thu Tập đoàn đạt 821,3 tỷ đồng, tăng 187,7 tỷ đồng hay 29,63% so với năm 2009. Trong tổng doanh thu năm 2010, nhóm sản phẩm Bút viết chiếm tỷ trọng cao nhất là 63,52%, kế đến là nhóm dụng cụ văn phòng với tỷ trọng 23,07%, nhóm Dụng cụ học sinh và nhóm Dụng cụ mỹ thuật chiếm lần lượt là 8,49% và 4,92% (Xem bảng bên dưới).



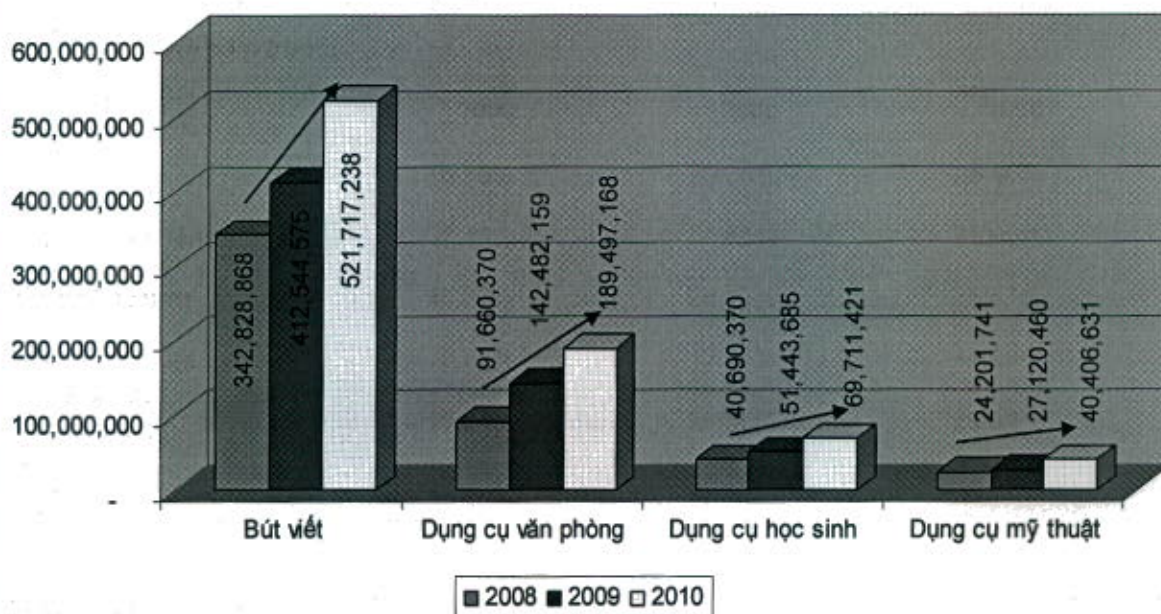
Tỷ trọng của từng Nhóm sản phẩm trong tổng doanh thu:

	2008	2009	2010
Bút viết	68,65%	65,11%	63,52%
Dụng cụ văn phòng	18,35%	22,49%	23,07%
Dụng cụ học sinh	8,15%	8,12%	8,49%
Dụng cụ mỹ thuật	4,85%	4,28%	4,92%
Tổng	100,00%	100,00%	100,00%

Tăng trưởng so với năm trước:

	2008	2009	2010
Bút viết	16,70%	20,34%	26,46%
Dụng cụ văn phòng	37,48%	55,45%	33,00%
Dụng cụ học sinh	30,20%	26,43%	35,51%
Dụng cụ mỹ thuật	-3,20%	12,06%	48,99%
Tổng	19,84%	26,88%	29,63%

Biểu đồ so sánh doanh thu theo nhóm sản phẩm (ĐVT: ngàn ĐVN)



Nhóm Bút viết

Nhóm Bút viết là nhóm sản phẩm truyền thống của Tập đoàn. Trong những năm qua, nhóm Bút viết luôn thể hiện vai trò là nhóm sản phẩm chủ lực, tạo nền tảng trong quá trình phát triển của Tập đoàn. Năm 2010, doanh thu nhóm sản phẩm này mang lại là 521,7 tỷ đồng, chiếm 63,52% tổng doanh thu. Trong chiến lược phát triển dài hạn, Tập đoàn tiếp tục chú trọng vào việc phát triển, hoàn thiện kỹ thuật sản xuất và thiết kế kiểu dáng các sản phẩm trong nhóm Bút viết nhằm mang lại sự tiện lợi, thoải mái cao nhất cho người sử dụng. Song song đó, để đáp ứng chiến lược vươn ra tầm khu vực và thế giới trong giai đoạn 2010-2014, Tập đoàn cũng sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm với giá bán tốt nhất nhằm cạnh tranh với các sản phẩm nổi tiếng trên thế giới.

Nhóm dụng cụ văn phòng

Với chiến lược trở thành Tập đoàn số 1 tại Việt Nam về Văn phòng phẩm, Tập đoàn Thiên Long từng bước đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm ngoài Bút viết. Trong giai đoạn 2008-2010, doanh thu của nhóm dụng cụ văn phòng chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng doanh thu. Năm 2010, nhóm sản phẩm này có doanh thu tăng 33% so với năm 2009, mang về cho Tập đoàn 189,5 tỷ đồng, chiếm 23,07% tổng doanh thu.

Tỷ trọng doanh thu của nhóm dụng cụ văn phòng dự kiến sẽ tăng cao trong thời gian tới, chiếm khoảng 30% tổng doanh thu của Tập đoàn kể từ năm 2012.

Nhóm Dụng cụ học sinh

Mức tăng trưởng cao và đều đặn của nhóm Dụng cụ học sinh trong 3 năm qua cho thấy sự phát triển ổn định và tiềm năng lớn của các loại sản phẩm này. Năm 2010, doanh thu của Nhóm Dụng cụ học sinh tăng trưởng 35,51%, mang về cho Tập đoàn 69,7 tỷ đồng.

Tiềm năng thị trường của nhóm Dụng cụ học sinh còn rất lớn vì Việt Nam là nước có dân số trẻ, tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên cao, nhà nước đẩy mạnh việc phổ cập tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông làm cho số lượng học sinh đến trường ngày một tăng. Trong chiến lược phát triển dài hạn của mình, Tập đoàn sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc chiếm lĩnh thị trường, từng bước đưa doanh thu của nhóm Dụng cụ học sinh lên 10% trong tổng doanh thu kể từ năm 2012.

Nhóm Dụng cụ mỹ thuật

Nhóm dụng cụ mỹ thuật bao gồm bút sáp, màu nước, bút chì màu, bút lông tô màu và sáp dầu. Trong các năm qua, nhóm Dụng cụ mỹ thuật phát triển theo xu hướng phát triển chung của Tập đoàn.

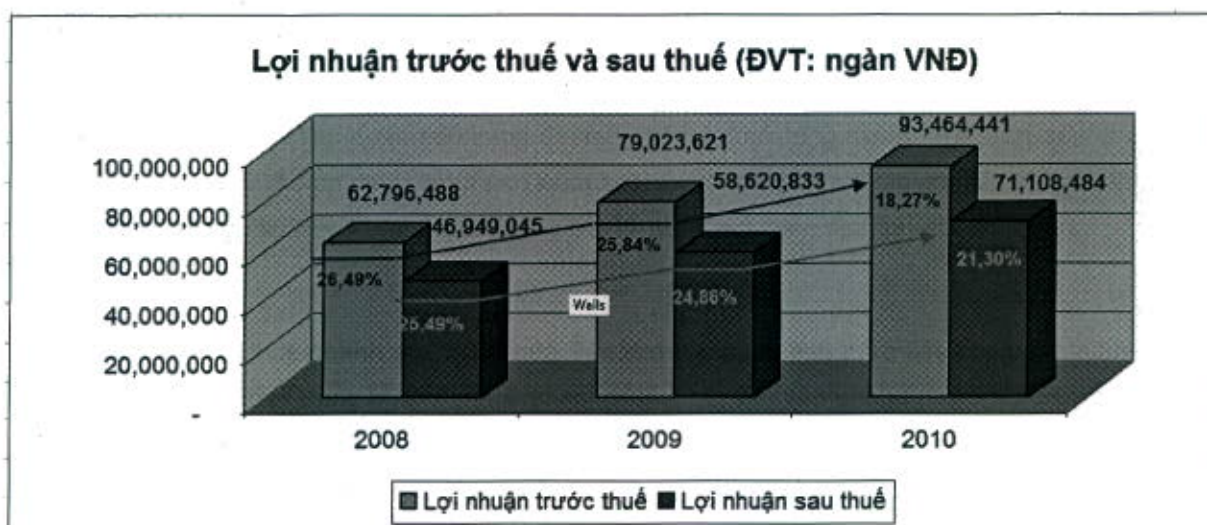
Năm 2010, doanh thu của nhóm Dụng cụ mỹ thuật tăng 49% so với 2009 và mang về cho Tập đoàn số tiền 40,4 tỷ đồng. Trong định hướng chiến lược, doanh thu của nhóm Dụng cụ mỹ thuật chiếm khoảng 5% tổng doanh thu Tập đoàn.

Lãi gộp

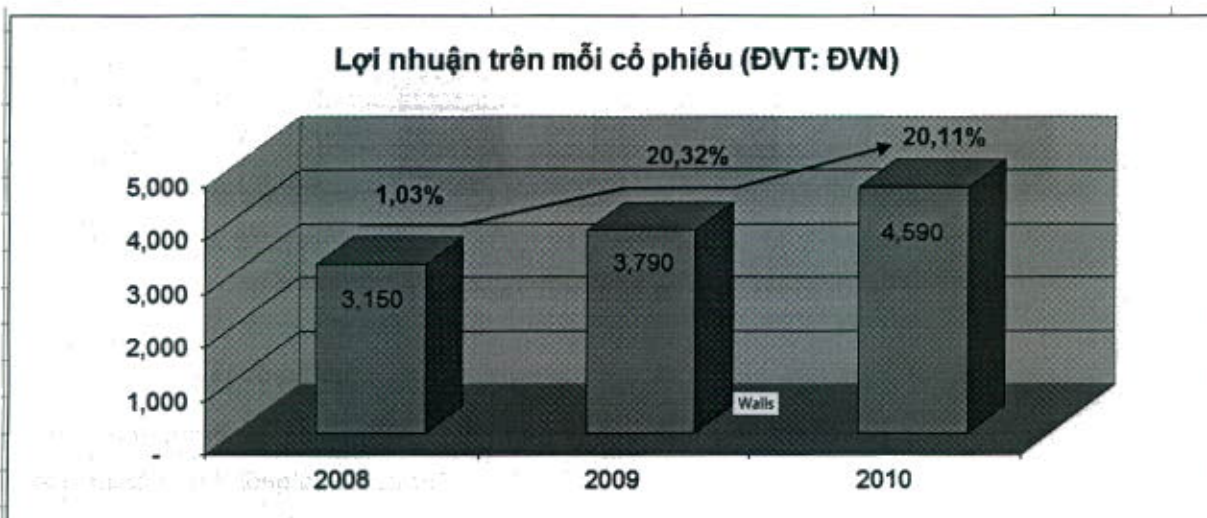
Mức lãi gộp của Tập đoàn trong giai đoạn 2008-2010 tương đối ổn định. Trong đó, tỷ lệ lãi gộp/doanh thu thuần năm 2008 là 39,73%, năm 2009 là 37,59% và năm 2010 là 35,90%. Trong các năm qua, Ban lãnh đạo Tập đoàn tiến hành đa dạng hóa và mở rộng mạng lưới cung cấp, thương lượng để giữ giá đầu vào ổn định, đồng thời kiểm soát tốt chi phí sản xuất, giảm sản phẩm hỏng, tối ưu hóa năng lực sản xuất, v.v... nhằm có được tỉ lệ lãi gộp cao và ổn định như đã nêu trên.

Lợi nhuận

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần của Tập đoàn xoay quanh mức 9% trong các năm qua. Đây là một tỷ lệ khá cao trong ngành sản xuất nói chung, bút viết văn phòng phẩm nói riêng. Để đạt được mức lợi nhuận trên, Tập đoàn thực hiện nhiều biện pháp ổn định giá thành, kiểm soát tốt chi phí. Chi phí hoạt động hàng năm có tăng nhưng tỷ trọng của chi phí hoạt động trên tổng doanh thu luôn nằm trong tỷ lệ an toàn mà Ban lãnh đạo đã thiết lập.

**Thu nhập trên mỗi cổ phiếu**

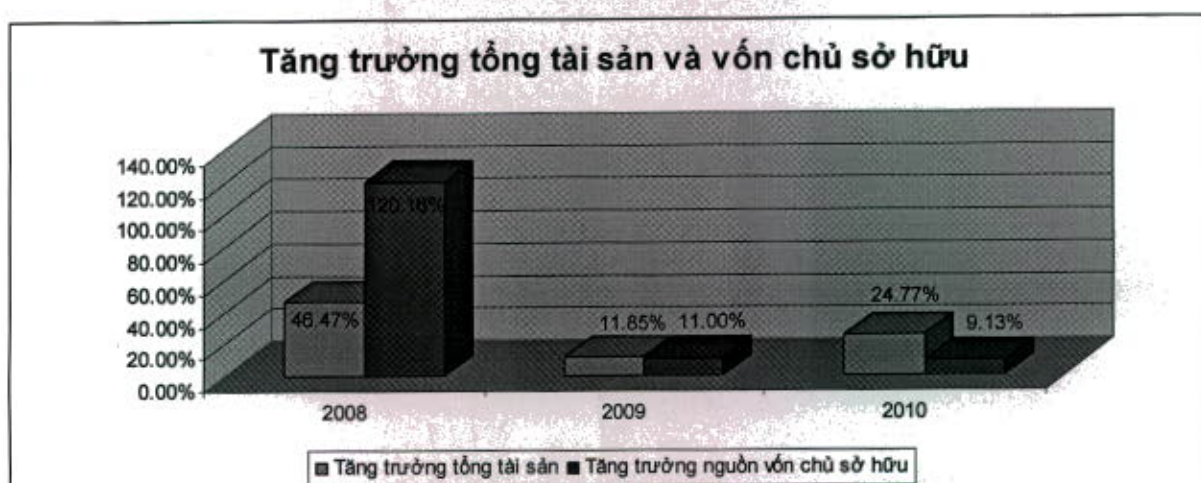
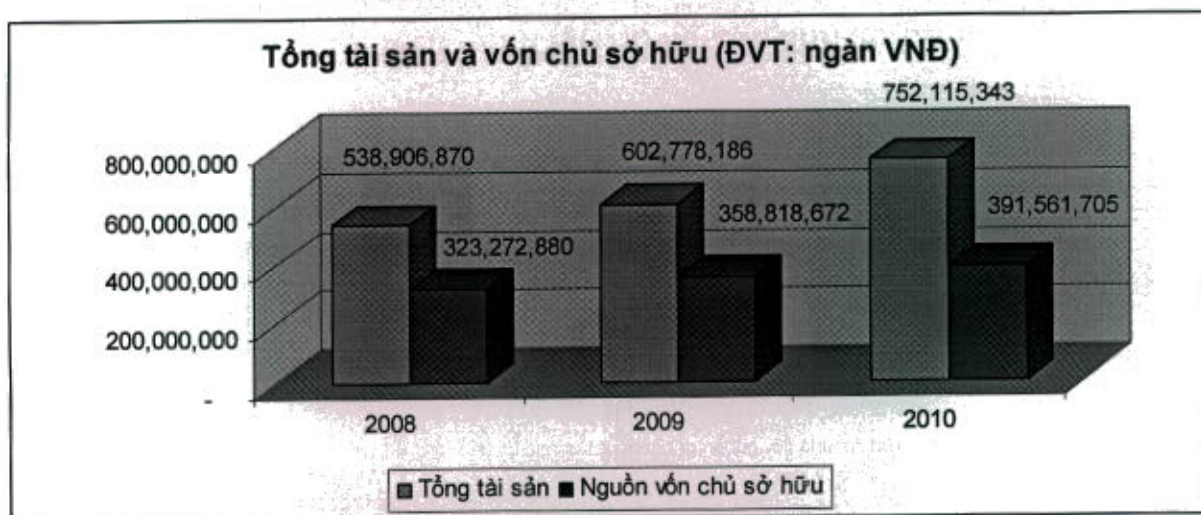
Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) tăng trưởng đều đặn hơn 20% trong 3 năm qua. Năm 2008, EPS ở mức 3.150 đồng/cổ phiếu, năm 2009 EPS tăng lên 3.790 đồng/cổ phiếu. Năm 2010, EPS của công ty đạt mức 4.590 đồng/ cổ phiếu, tăng 21,11% so với năm trước.



Tăng trưởng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Tổng tài sản của Tập đoàn trong 3 năm 2008-2010 đạt mức tăng trưởng bình quân 27,70%. Vốn chủ sở hữu năm 2008 tăng 120,16%, năm 2009 tăng 11% và năm 2010 tăng 9,13%. Nguyên nhân chủ yếu cho mức tăng trưởng cao của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu là do lợi nhuận tăng đều đặn và ở mức cao, bình quân đạt 23,88% trong 3 năm 2008-2010. Tổng lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn cổ đông vào 31/12/2010 là 105 tỷ đồng.

Số liệu vốn chủ sở hữu năm 2008 và 2009 có thay đổi so với các báo cáo trước đây là do kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009, trong đó việc phân loại lại Quỹ khen thưởng, phúc lợi như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, khác với sự phân loại trước đây là một khoản thuộc vốn chủ sở hữu. Ở báo cáo này, Tập đoàn đã trình bày lại số liệu vốn chủ sở hữu năm 2008 và năm 2009 theo tinh thần Thông tư trên.



3.2 Hệ thống phân phối trong và ngoài nước

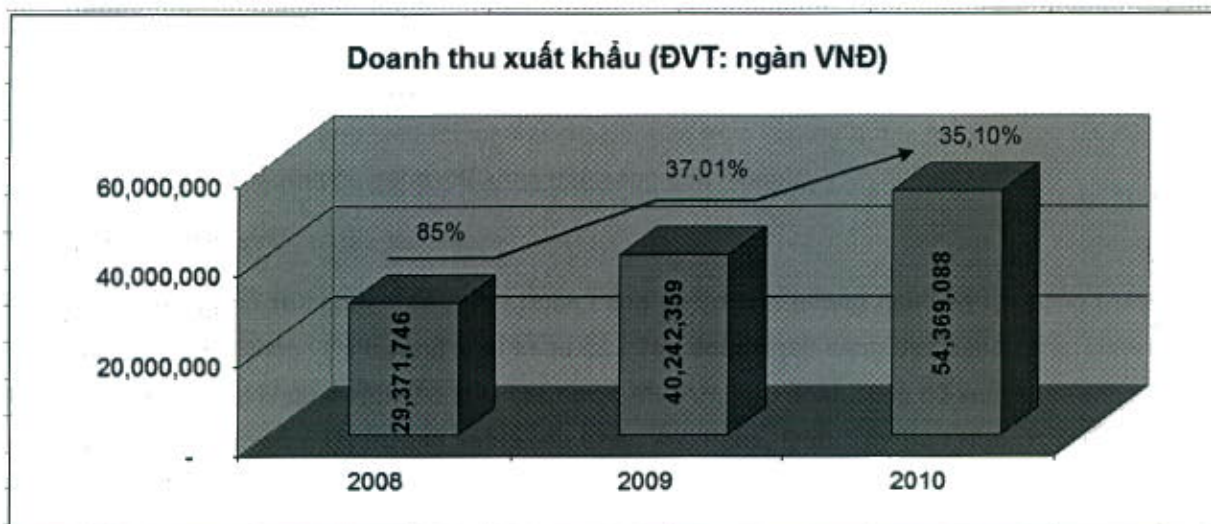
Hệ thống phân phối trong nước

Hệ thống phân phối của Tập đoàn Thiên Long phủ khắp 63/63 tỉnh thành trong cả nước. Tính đến nay, Thiên Long có hơn 101 nhà phân phối, đảm nhận việc tiếp nhận và phân phối sản phẩm tới các nhà bán sỉ hoặc lẻ; và có hơn 40.000 điểm bán văn phòng phẩm mang thương hiệu Thiên Long trên toàn quốc.

Ngoài kênh phân phối truyền thống nói trên, Thiên Long cũng thiết lập và trực tiếp quản lý 4 (bốn) kênh phân phối: (1): hệ thống siêu thị, nhà sách; (2): bán trực tiếp cơ quan, trường học (B2B); (3) bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng; (4) kênh bán hàng qua mạng.

Thị trường xuất khẩu

Đối với thị trường nước ngoài, Tập đoàn Thiên Long đã có văn phòng đại diện tại Đông Dương, Thái Lan và Trung Quốc. Thị trường xuất khẩu của Tập đoàn ngày càng được mở rộng. Hiện tại, ngoài thị trường xuất khẩu truyền thống là các nước ASEAN, Tập đoàn cũng đã xuất khẩu sang các nước phát triển khác như Thị trường xuất khẩu Châu Âu (Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Ý, Đan Mạch, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Lan, ...), Châu Mỹ (Hoa Kỳ, Mexico), Châu Đại Dương (Úc), Châu Phi (Algeria, Ai Cập, Mauritius), Châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,...).



3.3 Những tiến bộ công ty đã đạt được

Hoạt động Kinh doanh

- Tổ chức hoạt động Marketing và phân phối nội địa đạt hiệu quả cao. Thiên Long tiếp tục là thương hiệu số 1 về VPP tại Việt Nam và điểm bán toàn quốc đã đạt đến con số 40.000.
- Bước đầu triển khai thành công bán hàng trực tiếp (B2B) trên toàn quốc
- Thành lập thêm 2 Cty TNHH MTV Tân Lực Miền Bắc và Tân Lực Miền Nam nhằm phát triển tất cả các kênh bán hàng nội địa (bán lẻ và bán qua mạng)

- Phát triển mạnh hoạt động kinh doanh quốc tế (hợp tác sản xuất và xuất khẩu)
- Doanh thu nội địa đạt 766.963.370 ngàn đồng và doanh thu xuất khẩu đạt 54.369.088 ngàn đồng, tăng trưởng đáng kể.

Hoạt động Tài chính – Kế toán

- Sử dụng nguồn vốn hiệu quả. Bán hàng thu tiền mặt, tồn kho hợp lý và được hưởng chính sách tín dụng tốt từ nhà cung cấp
- Quản trị chi phí hiệu quả, đặc biệt là chi phí bán hàng và chi phí sản xuất
- Đáp ứng chuẩn mực kiểm toán quốc tế

Hoạt động Sản Xuất

- Tối đa hóa năng lực sản xuất và từng bước tự động hóa hoạt động sản xuất
- Triển khai xây dựng thêm nhà xưởng tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long
- Phát triển công nghệ làm mực VPP và mực in phun Nano
- Bước đầu thiết kế sản phẩm phù hợp với thị trường xuất khẩu

Hoạt động Mua hàng

- Tìm kiếm và chọn lọc nhà cung cấp mới hiệu quả
- Sử dụng phương thức thanh toán và tín dụng linh hoạt

Hoạt động Nhân sự

- Chế độ lương, thưởng, phúc lợi,... ngày một tốt hơn
- Quan hệ nhân sự và môi trường/ điều kiện làm việc được cải thiện
- Trình độ cấp quản lý ngày càng được nâng cao

Hoạt động Công nghệ Thông tin

- Đang triển khai hệ thống ERP SAP giúp nâng cao hiệu quả quản lý toàn Tập đoàn

Hoạt động các Dự án**Hoạt động nhà máy Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành**

- Mở rộng sản xuất dòng hàng bút viết bên cạnh sản phẩm files/bia
- Đưa sản phẩm nhà máy ra thị trường nội địa và xuất khẩu, góp thêm doanh thu cho Tập đoàn.

Nâng cao năng lực Sản xuất của nhà máy Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

- Bước đầu triển khai xây dựng nhà máy vào cuối năm 2010 để nâng công suất từ 45 triệu đơn vị sản phẩm/tháng lên 80 triệu đơn vị sản phẩm/tháng vào năm 2014

3.4 Những yếu tố thuận lợi và khó khăn

Những yếu tố thuận lợi

- Kinh tế Việt Nam trong thời gian qua phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu rất khả quan. Thêm vào đó, Việt Nam gia nhập WTO là cơ hội tốt để Tập đoàn phát triển hoạt động kinh doanh xuất khẩu.
- Thiên Long có bề dày kinh nghiệm 30 năm hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành bút viết, văn phòng phẩm. Với bề dày kinh nghiệm này, Thiên Long chủ động tạo cơ hội kinh doanh mới trong ngành, đồng thời giúp Thiên Long ứng phó tốt với các rủi ro kinh doanh có thể xảy ra trong ngành văn phòng phẩm.
- Thiên Long sở hữu thương hiệu số 1 tại Việt Nam về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hàng bút viết và văn phòng phẩm. Đây là lợi thế vượt trội về mặt thương hiệu giúp sản phẩm của Tập đoàn được người tiêu dùng tin nhiệm ngày càng cao.
- Thiên Long có thị trường tiêu thụ lớn, ổn định và tăng trưởng đều đặn với tốc độ cao. Tập đoàn Thiên Long có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước.
- Sản phẩm của Thiên Long có chất lượng, mẫu mã đẹp, giá cả phù hợp với người tiêu dùng. Điều này tạo ra ưu thế cạnh tranh cao trên thị trường.
- Sản phẩm Thiên Long được đón nhận tại nhiều nước trên thế giới. Doanh thu xuất khẩu tăng trưởng ngày càng cao. Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng.
- Thiên Long đã triển khai và ứng dụng một cách hiệu quả các hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo sản phẩm của Tập đoàn sản xuất ra luôn đạt chất lượng tốt nhất.
- Công nghệ, máy móc thiết bị sản xuất của Thiên Long thường xuyên được đầu tư, bảo dưỡng thuộc loại tiên tiến hàng đầu thế giới.
- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao và kinh nghiệm phù hợp với vị trí công tác; công nhân sản xuất có kinh nghiệm, thường xuyên được đào tạo, và có độ ổn định cao.

Những yếu tố khó khăn

- Kinh tế vĩ mô vẫn còn bất ổn
- Lạm phát cao có thể tiếp tục ở 2 con số như năm 2010
- Tỷ giá USD từ cao đến rất cao gây ảnh hưởng giá nhập nguyên vật liệu và máy móc thiết bị
- Giá nguyên vật liệu, đặc biệt giá nhựa, đang ngày một tăng
- Lãi suất vay Ngân hàng cao gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh sản xuất
- Sức mua thị trường nội địa giảm đáng kể và khả năng tăng doanh thu xuất khẩu không cao
- Thị phần giảm, giá bán cạnh tranh gay gắt, doanh thu và lợi nhuận có khả năng giảm
- Tồn kho cao và vốn bị đọng
- Nguồn nhân tài mới cho Tập đoàn bị phát triển hạn chế

- Tập đoàn vừa đối phó khó khăn hiện tại để tồn tại vừa phải chuẩn bị sẵn nguồn lực cho phát triển trong tương lai khi nền kinh tế khởi sắc trở lại

IV. BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

4.1 Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long có bộ máy quản lý theo mô hình công ty cổ phần, bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty, tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của công ty. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua:

- Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo
- Báo cáo của HĐQT, BKS
- Mức cổ tức trên mỗi cổ phần của từng loại

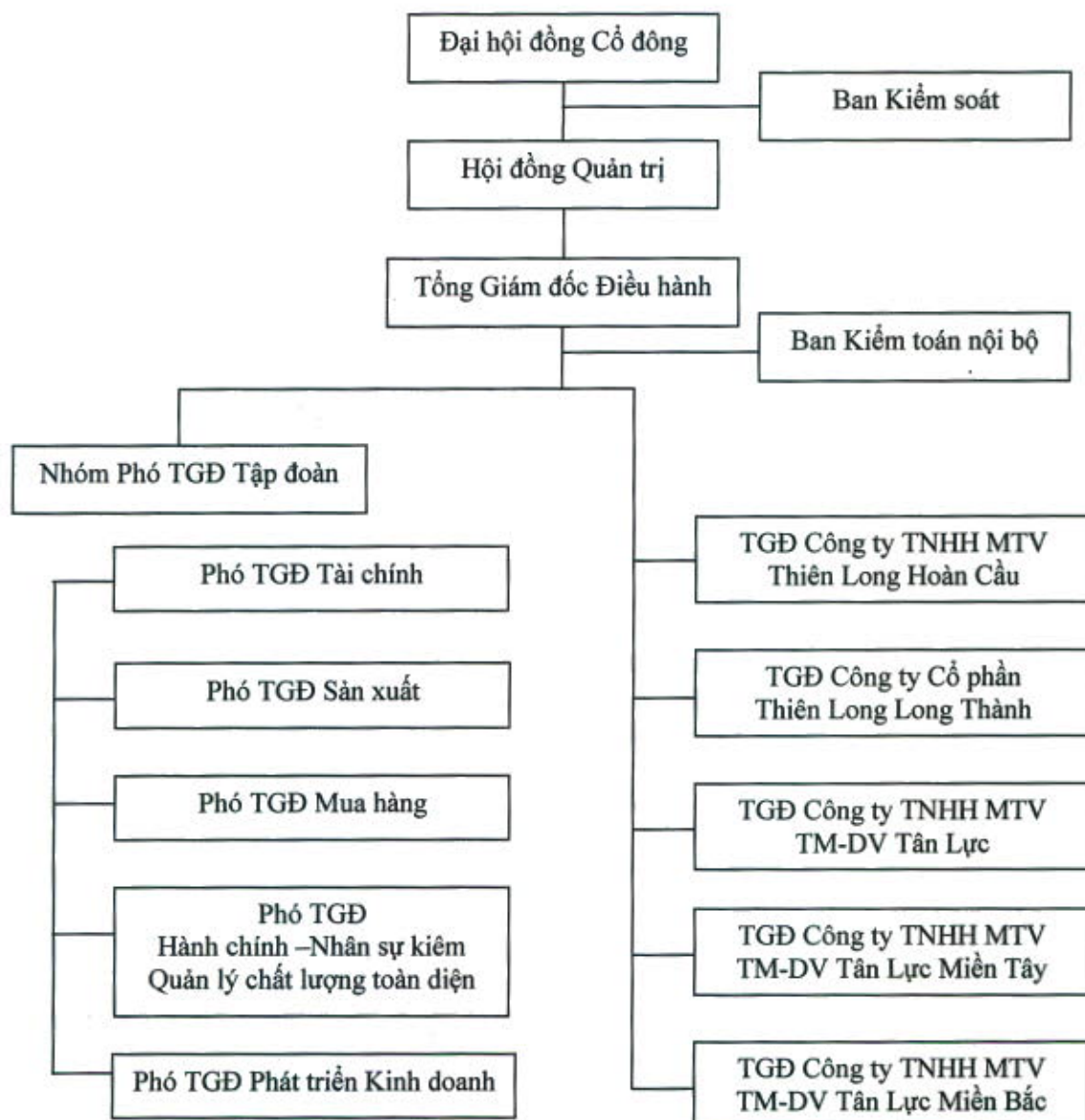
Hội đồng Quản trị: là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty có từ 05 đến 11 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc bãi miễn. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT hiện nay có 07 thành viên, Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc bãi miễn. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc: do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả thực hiện hoà i bảo, sứ mạng, văn hóa, chiến lược, mục tiêu, tiêu chí tài chính và các chỉ tiêu hoạt động đã được duyệt của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc: giúp việc cho Tổng Giám đốc có 5 Phó Tổng Giám đốc (Tài chính, Phát triển Kinh doanh, Hành chính - Nhân sự kiêm Quản lý Chất lượng toàn diện, Sản xuất, Mua hàng), chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Tập đoàn Thiên Long



Hội đồng Quản trị

- Ông Cô Gia Thọ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Trần Kim Thành - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Lệ Nguyên - Thành viên HĐQT
- Ông Huỳnh Văn Thiện - Thành viên HĐQT
- Bà Trần Thái Như - Thành viên HĐQT
- Bà Cô Ngân Bình - Thành viên HĐQT
- Bà Cô Cẩm Nguyệt - Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn

- Ông Võ Văn Thành Nghĩa - Tổng Giám đốc Tập đoàn kiêm Phó Tổng Giám đốc Tài chính
- Ông Nguyễn Đình Tâm - Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
- Ông Phan Nhật Phương - Phó Tổng Giám đốc Mua hàng
- Ông Bùi Văn Huống - Phó Tổng Giám đốc Hành chính Nhân sự kiêm Quản lý Chất lượng Toàn diện
- Ông Trương Anh Hào - Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Thiên Long Hoàn Cầu
- Ông Nguyễn Thượng Việt - Tổng Giám đốc công ty CP Thiên Long Long Thành
- Ông Huỳnh Phúc Lâm - Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Tân Lực
- Ông Huỳnh Đức Nghĩa - Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Tân Lực Miền Tây
- Ông Đặng Thanh Cảnh - Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Tân Lực Miền Bắc

Thành viên Ban kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Bích Nga - Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Tạ Hoàng Sơn - Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Lý Văn Dũ - Thành viên Ban Kiểm soát

Kế toán trưởng

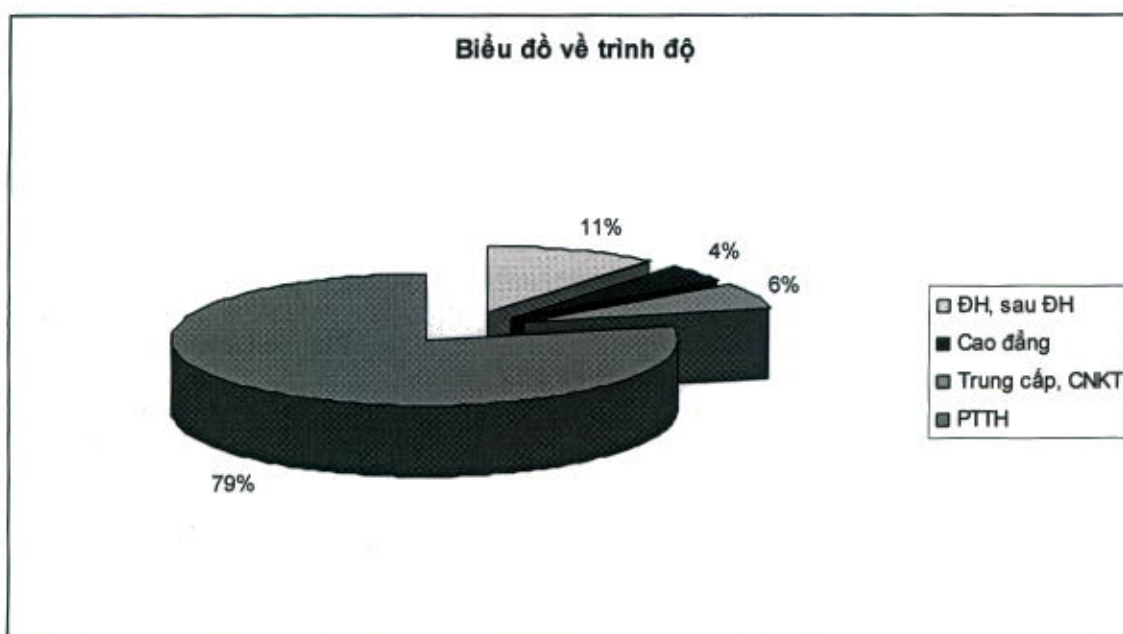
- Ông Hồ Ngọc Cảnh - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

4.2 Nguồn nhân lực

Số lượng cán bộ công nhân viên

Tổng số lao động của Tập đoàn tại thời điểm 31/03/2011 là **2,838** lao động, trong đó :

- Đại học, trên đại học: 319
- Cao đẳng: 114
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật: 182
- PTTH : 2.223



Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc

Ngoài mức lương, thưởng cạnh tranh, hấp dẫn, các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng một số chính sách khác như: có xe riêng đưa rước tận nhà, được mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn cầu với mức bảo hiểm cao, được tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí tham gia các khóa học sau đại học cũng như các lớp học chuyên môn khác, đặc biệt là việc định hướng phát triển lâu dài và phù hợp với năng lực của từng thành viên theo sự phát triển ngày càng lớn mạnh của Công ty,...

Chế độ, chính sách đối với người lao động

Chính sách lương và phụ cấp

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với công nhân viên trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, ngoài mức lương cố định, công ty còn thực hiện chính sách trả lương hiệu quả theo năng suất lao động và sự tuân thủ nội quy lao động.

Hàng năm, Công ty thực hiện soát xét mức lương chung toàn Công ty một lần vào tháng 4, qua đó đánh giá năng lực từng CBCNV để có quyết định điều chỉnh lương phù hợp.

Chính sách khen thưởng

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể khi thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Chế độ bảo hiểm xã hội, chăm sóc sức khỏe

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cao cho người lao động trong việc thụ hưởng các chế độ của Bảo hiểm xã hội.

Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV nhằm phát hiện bệnh lý để kịp thời chăm sóc và điều trị.

Ngoài ra, công ty cũng tạo điều kiện cho CBCNV đi nghỉ mát hàng năm, tổ chức các hội thi văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết tập thể và rèn luyện sức khỏe.

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bao gồm đào tạo nhân viên mới (đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc, ISO 9001) và đào tạo thường xuyên (đào tạo nâng cao nghiệp vụ nhằm bồi dưỡng kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội thăng tiến trong công việc).

Công ty luôn ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ bằng cách ưu tiên tuyển dụng trong nguồn nhân sự nội bộ mỗi khi có vị trí nào cần tuyển dụng thêm. Công ty luôn tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.

V. THÔNG TIN CỔ PHẦN**Các thông tin về cổ phiếu (tính đến ngày 17/02/2011)**

Vốn điều lệ	: 155 tỷ đồng
Mã chứng khoán	: TLG
Sàn niêm yết	: HOSE
Ngày bắt đầu niêm yết	: 26/03/2010
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 15.500.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0
Số lượng cổ phiếu lưu hành	: 15.500.000

Thông tin về cổ tức

- Cổ tức năm 2008: 1.600 đồng/cổ phần
- Cổ tức năm 2009: 1.800 đồng/cổ phần
- Cổ tức năm 2010: 2.000 đồng/cổ phần (dự kiến)

Cơ cấu cổ đông của Công ty (tính đến ngày 17/02/2011)

Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 17/02/2011, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

STT	Thành phần cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	Cổ đông trong nước	391	14.672.430	94,66%
	Cá nhân	375	3.499.634	22,58%
	Tổ chức	16	11.172.796	72,08%
02	Cổ đông nước ngoài	14	827.570	5,34%
	Cá nhân	08	8.020	0,05%
	Tổ chức	06	819.550	5,29%
03	Cổ phiếu quỹ (*)			
	Tổng cộng	405	15.500.000	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến ngày 17/02/2011)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (ngàn đồng)	Tỷ lệ (%)
01	Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh Đại diện sở hữu: Ông Cô Gia Thọ	Tầng 5, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM	8.414.376	84.143.760	54,29%
02	Cô Gia Thọ	Số 07 Đường số 10, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	1.035.076	10.350.760	6,68%
03	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	94 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.131.360	11.313.600	7,30%
Tổng cộng			10.580.812	105.808.120	68,27%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Hội đồng Quản trị (tính đến ngày 17/02/2011)

STT	Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	Chủ tịch	Cô Gia Thọ	Số 07 Đường số 10, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	1.035.076	6,68%
02	Phó Chủ tịch	Trần Kim Thành	Đại diện Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	200.000	1,29%
03	Thành viên	Trần Lệ Nguyên	Đại diện Công ty Cổ phần Kinh Đô	344.910	2,23%
04	Thành viên	Huỳnh Văn Thiện	38/6 C Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	100.000	0,65%
05	Thành viên	Trần Thái Như	Số 07 Đường số 10, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	212.648	1,37%
06	Thành viên	Cô Ngân Bình	743/31P/5, Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6, TP.HCM	200.000	1,29%
07	Thành viên	Cô Cẩm Nguyệt	Số 7, Đường 32B, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	100.000	0,65%
Tổng cộng				2.192.634	14,16%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tính đến ngày 17/02/2011)

STT	Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	Tổng Giám đốc	Võ Văn Thành Nghĩa	46J Trần Quốc Tuấn, Phường 1, Quận Gò Vấp, TP.HCM	40.000	0,260%
02	Phó Tổng Giám đốc	Nguyễn Đình Tâm	B131/8 Xóm Chiếu, Phường 16, Quận 4, TP. HCM	10.600	0,068%
03	Phó Tổng Giám đốc	Phan Nhứt Phương	Số 7, Đường 32B, P. Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	57.000	0,370%
04	Phó Tổng Giám đốc	Bùi Văn Huống	279/41 Lô A4 Chung cư Âu Cơ, Phường 5, Quận 11, TP. HCM	2.000	0,013%
05	Kế toán trưởng	Hồ Ngọc Cảnh	77 Long Đức 1, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	1.600	0,010%
Tổng cộng				111.200	0,721%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban Kiểm soát (tính đến ngày 17/02/2011)

STT	Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	Trưởng Ban	Nguyễn Thị Bích Ngà	53/24 Nguyễn Hồng Đào, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.HCM	3.000	0,020%
02	Thành viên	Tạ Hoàng Sơn	361/39/6 Nguyễn Đình Chiều, Quận 3, TP. HCM	-	-
03	Thành viên	Lý Văn Dũ	345 lầu 3, lô D, Chung cư Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.HCM	2.000	0,013%
Tổng cộng				5.000	0,033%

VI. CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**6.1 Các công ty con**

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	% Tập đoàn Thiên Long sở hữu
01	Công ty CP Thiên Long Long Thành	Sản xuất và mua bán văn phòng phẩm	80 tỷ đồng	65%
02	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ và Thương mại Thiên Long Hoàn Cầu	Kinh doanh văn phòng phẩm, mực in.	20 tỷ đồng	100%
03	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực	Bán buôn, bán lẻ văn phòng phẩm	20 tỷ đồng	100%
04	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	Bán buôn, bán lẻ văn phòng phẩm	5 tỷ đồng	100%
05	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Tây	Bán buôn, bán lẻ văn phòng phẩm	5 tỷ đồng	100%

6.2 Các công ty liên quan

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Mối quan hệ
01	Công ty CP Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Văn hóa phẩm, lương thực-thực phẩm, đồ gia dụng, giáo dục, tư vấn quản lý, kinh doanh nhà hàng, bất động sản	400 tỷ đồng	Công ty mẹ, chiếm 54,29% vốn cổ phần của công ty

6.3 Các văn phòng đại diện

Stt	Tên VPĐD	Địa chỉ	Điện thoại
1	VPĐD Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long tại Trung Quốc	Room 5116, Tower B, China International Center, Zhongshan 3 Road, No.33, Yuexiu District, Guangzhou, China.	ĐT: + 86 2083841225
2	VPĐD Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long tại Thái Lan	432/2 đường Mahaphruttharam, phường Mahaphruttharam, quận Bangrak, thủ đô Bangkok, Thái Lan	ĐT: +66 2639 4694
3	VPĐD Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long tại Cambodia	21E1-23E1 đường 199, Phường Toul Svay Prey II, Quận Chamca Morn, TP.Pnom Penh, Cambodia.	ĐT: + 855 23 22 08 05 Email:thienlong@camnet.com.kh
4	VPĐD Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long tại Lào	231 DongPaLane, quận SiXaTaNat, Thủ đô VienTiane, Lao.	ĐT: + 856. 21243555 Email:tlongpen@laotel.com

VII. BÁO CÁO QUẢN TRỊ**Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty hiện tại có 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên điều hành và 06 thành viên độc lập.

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị đã thể hiện rõ các chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý công ty trong thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, cụ thể: họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác. Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động từng quý và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp bất thường sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết.

Hội đồng quản trị được cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình sản xuất kinh doanh trước các cuộc họp, những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm

Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành

Thành viên Hội đồng Quản trị nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Là tổ chức thay mặt Cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo quy định Pháp luật và điều lệ Công ty.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

- Ban hành các văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- Duy trì các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị, xây dựng kênh thông tin thường xuyên giữa các thành viên Hội đồng Quản trị;
- Xây dựng cơ chế và triển khai họp liên thông giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty;
- Duy trì chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Hội đồng Quản trị, tiếp tục triển khai minh bạch hóa hoạt động của Công ty.
- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ chủ chốt...

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
& CÁC CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2005, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh

Ngày

Điều chỉnh lần 2

6 tháng 4 năm 2007

Điều chỉnh lần 3

15 tháng 10 năm 2007

Điều chỉnh lần 4

28 tháng 3 năm 2008

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 20/QĐ-SDGHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN TRỌNG YẾU

Vào ngày 2 tháng 2 năm 2010, Công ty đã chính thức hoàn tất việc giải thể Công ty Cổ phần Thiên Long Miền Bắc, công ty con của Công ty.

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2010, Công ty thành lập Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc ("TLNTS") theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105012605 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh. Hoạt động chính của TLNTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

Vào ngày 26 tháng 10 năm 2010, Công ty thành lập Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Tây ("TLWTS") theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1801166792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh. Hoạt động chính của TLWTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cô Gia Thọ

Chủ tịch

Ông Trần Kim Thành

Phó Chủ tịch

Ông Trần Lệ Nguyên

Thành viên

Ông Huỳnh Văn Thiện

Thành viên

Bà Trần Thái Như

Thành viên

Bà Cô Ngân Bình

Thành viên

Bà Cô Cẩm Nguyệt

Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Cô Gia Thọ
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Số tham chiếu: 60858419/14457713

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày từ trang 4 đến trang 31 (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất"). Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2010, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên



Koung Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mluu

Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Lê Quang Minh

Lê Quang Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0426/KTV

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		452.462.476	339.309.037
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	37.398.608	49.724.587
111	1. Tiền		31.998.608	49.724.587
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.400.000	-
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5.1	15.064.056	10.852.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20.577.646	13.366.411
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(5.513.590)	(2.514.411)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		51.729.708	36.198.973
131	1. Phải thu khách hàng	6	41.962.634	29.893.997
132	2. Trả trước cho người bán		6.992.928	5.715.853
135	3. Các khoản phải thu khác		3.761.442	2.386.293
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(987.296)	(1.797.170)
140	IV. Hàng tồn kho	7	339.876.797	235.455.102
141	1. Hàng tồn kho		343.423.084	241.222.549
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.546.287)	(5.767.447)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.393.307	7.078.375
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.933.785	2.121.955
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		971.028	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	2.103.346
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		3.488.494	2.853.074
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		299.652.867	263.469.149
220	I. Tài sản cố định		250.622.421	217.309.865
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	172.369.720	171.101.932
222	Nguyên giá		325.656.056	302.725.652
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(153.286.336)	(131.623.720)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	23.234.894	23.653.932
228	Nguyên giá		27.577.587	27.268.787
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.342.693)	(3.614.855)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	55.017.807	22.554.001
250	II. Đầu tư dài hạn khác	5.2	33.748.714	35.982.085
258	1. Đầu tư dài hạn khác		38.599.924	38.599.924
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4.851.210)	(2.617.839)
260	III. Tài sản dài hạn khác		15.281.732	10.177.199
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.017.394	4.379.944
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	20.3	8.662.872	5.755.790
268	3. Tài sản dài hạn khác		601.466	41.465
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		752.115.343	602.778.186

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngân VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		344.136.854	226.970.497
310	I. Nợ ngắn hạn		311.397.746	183.833.553
311	1. Vay ngắn hạn	11	197.356.153	102.512.922
312	2. Phải trả người bán		71.361.627	40.811.407
313	3. Người mua trả tiền trước		1.769.030	1.179.976
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	7.995.327	13.612.250
315	5. Phải trả người lao động		6.056.999	6.430.691
316	6. Chi phí phải trả	13	18.735.475	14.144.480
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		3.626.199	2.283.374
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.496.936	2.858.453
330	II. Nợ dài hạn		32.739.108	43.136.944
334	1. Vay dài hạn	14	24.869.315	37.445.982
336	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		7.869.793	5.690.962
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		391.561.705	358.818.672
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	391.561.705	358.818.672
411	1. Vốn cổ phần		155.000.000	155.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.816.873	130.754.353
414	3. Cổ phiếu ngân quỹ		-	(187.200)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.997.827	12.066.785
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		11.716.925	8.785.882
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.030.080	52.398.852
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		16.416.784	16.989.017
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		752.115.343	602.778.186

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KHOẢN MỤC	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	328.184	28.171
- Euro (EUR)	5.365	5.205
- Nhân dân tệ (RMB)	1.341	1.110

Kế toán trưởng
Hồ Ngọc Cảnh

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



Tổng Giám đốc
Võ Văn Thành Nghĩa

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	821.332.458	633.590.880
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(7.964.864)	(8.230.518)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	813.367.594	625.360.362
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(521.341.894)	(390.295.381)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		292.025.700	235.064.981
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	9.332.831	10.675.869
22	7. Chi phí tài chính	18	(35.258.962)	(21.429.058)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.170.806)	(12.390.630)
24	8. Chi phí bán hàng		(95.708.718)	(85.967.235)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(79.504.826)	(59.264.351)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.886.025	79.080.206
31	11. Thu nhập khác	19	5.254.144	2.715.555
32	12. Chi phí khác	19	(2.675.728)	(2.772.140)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		2.578.416	(56.585)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		93.464.441	79.023.621
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.1	(25.423.887)	(30.339.217)
52	16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20.3	2.907.082	2.345.415
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		70.947.636	51.029.819
	Phân bổ cho:			
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		(160.848)	(7.591.014)
	17.2 Cổ đông của Công ty		71.108.484	58.620.833
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	16	4.590	3.790

Kế toán trưởng
Hồ Ngọc Cảnh

Tổng Giám đốc
Võ Văn Thành Nghĩa

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		93.464.441	79.023.621
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định		31.245.152	32.462.286
03	Các khoản dự phòng		2.201.517	8.013.797
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		(1.839.571)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.125.662)	(6.023.396)
06	Chi phí lãi vay	18	23.170.806	12.390.630
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		143.116.683	125.866.938
09	Tăng các khoản phải thu		(84.382.392)	(295.783)
10	Tăng hàng tồn kho		(102.372.914)	(58.086.101)
11	Tăng các khoản phải trả		98.196.699	22.378.645
12	Tăng chi phí trả trước		(3.218.027)	(990.574)
13	Tiền lãi vay đã trả		(22.284.041)	(12.685.743)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20.2	(30.660.198)	(26.112.895)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(8.835.307)	(8.182.870)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động sản xuất kinh doanh		(10.439.497)	41.891.617
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(58.876.557)	(39.718.565)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		858.199	1.982.124
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(13.213.133)	(12.057.676)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.063.777	17.850.264
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		6.271.338	3.905.786
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(58.896.376)	(28.038.067)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu ngân quỹ		249.720	900.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(1.882.301)
33	Tiền vay đã nhận		465.146.768	287.269.080
34	Tiền chi trả nợ vay		(380.458.599)	(276.116.846)
36	Chi trả cổ tức		(27.782.830)	(15.455.420)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		57.155.059	(5.285.487)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(12.180.814)	8.568.063
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	49.724.587	41.156.524
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(145.165)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	37.398.608	49.724.587


Kế toán trưởng
Hồ Ngọc Cảnh




Tổng Giám đốc
Võ Văn Thành Nghĩa

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2005, và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh

Ngày

Điều chỉnh lần 2

Ngày 6 tháng 4 năm 2007

Điều chỉnh lần 3

Ngày 15 tháng 10 năm 2007

Điều chỉnh lần 4

Ngày 28 tháng 3 năm 2008

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 20/QĐ-SDGHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có các công ty con sau, đã được hợp nhất vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn")

Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành ("TLLT"), là công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ 65% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 472031000036 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. TLLT có trụ sở chính tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của TLLT là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Tân Lực ("TLTS") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309489650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. TLTS có trụ sở chính tại số 368 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu ("TLGTS"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104002492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. TLGTS có trụ sở chính tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLGTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc ("TLNTS") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105012605 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh. TLNTS có trụ sở chính tại số 39 đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của TLNTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Tây ("TLWTS") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1801166792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh. TLWTS có trụ sở chính tại số 7A3 Khu Định cư Hưng Phú I, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam. Hoạt động chính của TLWTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

Công ty Cổ phần Thiên Long Miền Bắc ("TLN"), là công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn chủ sở hữu được thành lập tại Việt Nam. Vào ngày 2 tháng 2 năm 2010, quá trình giải thể của TLN chính thức hoàn tất theo Quyết định thu hồi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") và được lập theo Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011 trở đi, Ban Giám đốc Tập đoàn đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trong tương lai.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng niên độ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Việc mua lại lợi ích của cổ đông thiểu số được hạch toán theo phương pháp mua thêm của Tập đoàn, theo đó, khoản chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị hợp lý của phần giá trị thuần tài sản mua được ghi nhận vào lợi thế thương mại.

3.2 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính ở những năm trước, ngoại trừ trường hợp sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 244") hướng dẫn điều chỉnh và bổ sung chế độ kế toán hiện hành. Một trong những thay đổi chủ yếu được áp dụng tại Tập đoàn là phân loại lại Quỹ khen thưởng, phúc lợi như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, khác với sự phân loại trước đây là một khoản thuộc vốn chủ sở hữu.

Thông tư 244 được áp dụng hồi tố. Thay đổi này làm tăng tổng nợ phải trả của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.496.936 ngàn VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 2.858.453 ngàn VNĐ) và giảm tổng nguồn vốn chủ sở hữu với số tiền tương ứng.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và sản phẩm dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn nhận được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ hao mòn dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, ngoại trừ quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn không được phân bổ hao mòn.

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 7 năm
Khuôn	3 - 4 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn trả bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

Nghệp vụ	CMKTVN 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngân hàng có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Xử lý kế toán theo CMKTVN 10</i>	<i>Xử lý kế toán theo Thông tư 201</i>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Tập đoàn bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Tập đoàn không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phân bổ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng năm năm tiếp theo.

Tuy nhiên, ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong trường hợp Tập đoàn áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân phối lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và quỹ này được ghi nhận như nợ phải trả như trình bày tại Thuyết minh số 3.2.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Ngàn VNĐ Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	29.847.567	49.395.287
Tiền mặt	2.151.041	329.300
Các khoản tương đương tiền	5.400.000	-
TỔNG CỘNG	37.398.608	49.724.587

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng với lãi suất bình quân từ 10,92%/năm đến 12,5%/năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

5.1 Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Ngân VNĐ Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	20.577.646	13.366.411
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.513.590)	(2.514.411)
ĐẦU TƯ THUẦN	15.064.056	10.852.000

5.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Ngân VNĐ Số đầu năm
Đầu tư dài hạn vào các công ty khác:		
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	25.000.000	25.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư	5.999.924	5.999.924
Chứng khoán Bản Việt	5.100.000	5.100.000
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	1.900.000	1.900.000
Công ty Cổ phần Chip Sáng	600.000	600.000
Công ty Cổ phần In số 7		
	38.599.924	38.599.924
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	(4.851.210)	(2.617.839)
ĐẦU TƯ THUẦN	33.748.714	35.982.085

Như được trình bày trong Thuyết minh số 11, Tập đoàn đã thế chấp khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác để đảm bảo các khoản vay tại ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Ngân VNĐ Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	41.962.634	29.893.997
Dự phòng phải thu khó đòi	(987.296)	(1.797.170)
GIÁ TRỊ THUẦN	40.975.338	28.096.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngân VNĐ Số đầu năm
Thành phẩm	141.559.511	100.795.204
Nguyên liệu, vật liệu	95.775.479	73.010.824
Hàng hóa	43.949.213	30.424.750
Hàng mua đang đi trên đường	38.127.218	26.396.420
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.647.927	10.416.813
Công cụ, dụng cụ	298.908	178.538
Hàng gửi đi bán	64.828	-
	343.423.084	241.222.549
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.546.287)	(5.767.447)
GIÁ TRỊ THUẦN	339.876.797	235.455.102

Bao gồm trong hàng tồn kho là khoản trị giá 15.000.000 ngân VNĐ đã được dùng làm tài sản thế chấp khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 11).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Năm nay	Ngân VNĐ Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(5.767.447)	(237.249)
Dự phòng trích lập trong năm	-	(5.530.198)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	2.221.160	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	(3.546.287)	(5.767.447)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Ngân VNĐ Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	109.876.869	97.903.479	12.943.576	5.360.144	76.641.584	302.725.652
Mua mới	20.853.705	-	2.902.188	428.033	67.727	24.251.653
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.027.547	-	-	1.206.461	7.091.973	9.325.981
Thanh lý, nhượng bán	(5.431.005)	-	(242.213)	-	(4.974.012)	(10.647.230)
Số dư cuối năm	126.327.116	97.903.479	15.603.551	6.994.638	78.827.272	325.656.056
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	20.304.678	641.802	5.270.676	1.814.852	48.708.461	76.740.469
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số dư đầu năm	(50.039.140)	(10.763.539)	(8.266.362)	(2.487.973)	(60.066.706)	(131.623.720)
Khấu hao trong năm	(15.441.227)	(3.927.828)	(1.704.220)	(1.237.338)	(9.378.637)	(31.639.250)
Thanh lý, nhượng bán	4.810.409	-	242.213	-	4.974.012	10.026.634
Số dư cuối năm	(60.669.958)	(14.691.367)	(9.728.369)	(3.725.311)	(64.471.331)	(153.286.336)
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	59.837.729	87.139.940	4.677.214	2.872.171	16.574.878	171.101.932
Số dư cuối năm	65.657.158	83.212.112	5.875.182	3.269.327	14.355.941	172.369.720
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 11 và 14)	43.962.664	67.941.564	-	-	160.581	112.064.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ				
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	25.001.020	2.093.589	58.200	115.978	27.268.787
Mua mới	-	-	308.800	-	308.800
Số dư cuối năm	25.001.020	2.093.589	367.000	115.978	27.577.587
Trong đó:					
Đã khấu trừ hết	-	1.344.276	58.200	115.978	1.518.454
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	(2.137.226)	(1.303.451)	(58.200)	(115.978)	(3.614.855)
Khấu trừ trong năm	(329.421)	(398.417)	-	-	(727.838)
Số dư cuối năm	(2.466.647)	(1.701.868)	(58.200)	(115.978)	(4.342.693)
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	22.863.794	790.138	-	-	23.653.932
Số dư cuối năm	22.534.373	391.721	308.800	-	23.234.894
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 11 và 14)	22.534.372	-	-	-	22.534.372

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy	29.457.917	810.909
Thiết bị đang lắp đặt	25.559.890	21.743.092
TỔNG CỘNG	55.017.807	22.554.001

11. VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	175.824.342	83.007.455
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	21.531.811	19.505.467
TỔNG CỘNG	197.356.153	102.512.922

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng bao gồm:

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngân VND	Thời hạn vay và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5.2, 7, 8 và 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Hội sở				
Trong đó:				
	21.916.391	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2011 đến ngày 15 tháng 3 năm 2011	13,14 – 16,92	Quyền sử dụng đất
	18.054.911	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2011 đến ngày 28 tháng 2 năm 2011	13,14 – 13,20	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc
	10.042.670	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2011 đến ngày 6 tháng 2 năm 2011	5,90	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Ông Ích Khiêm	40.144.105	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 3 năm 2011	13,00 – 18,50	Khoản đầu tư dài hạn khác
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	32.684.780	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2011 đến ngày 21 tháng 6 năm 2011	12,80 – 16,75	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Trong đó:				
	26.022.521	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2011	4,55 – 5,06	Nhà cửa, vật kiến trúc và bảo lãnh bởi Ông Cô Gia Thọ - Chủ tịch
	15.036.377	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2011 đến ngày 10 tháng 3 năm 2011	13,50 – 20,00	Nhà cửa, vật kiến trúc và bảo lãnh bởi Ông Cô Gia Thọ - Chủ tịch
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	9.165.651	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2011 đến ngày 27 tháng 6 năm 2011	15,50 – 17,50	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	2.756.936	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2010 đến ngày 24 tháng 6 năm 2011	6,50	Hàng tồn kho

TỔNG CỘNG

175.824.342

Tập đoàn sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Ngàn VNĐ Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 20.2)	5.429.277	10.665.588
Thuế giá trị gia tăng	1.536.663	861.050
Thuế thu nhập cá nhân	528.767	487.131
Thuế nhập khẩu	500.620	802.707
Các loại thuế khác	-	795.774
TỔNG CỘNG	7.995.327	13.612.250

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Ngàn VNĐ Số đầu năm
Chi phí phải trả nhà thầu	5.589.802	-
Lương tháng 13	3.681.061	1.848.879
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	2.241.753	10.576.283
Chi phí hoạt động văn phòng đại diện	1.279.492	-
Chi phí lãi vay	1.180.714	484.267
Khác	4.762.653	1.235.051
TỔNG CỘNG	18.735.475	14.144.480

14. VAY DÀI HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VNĐ Số đầu năm
Vay dài hạn từ ngân hàng	46.401.126	56.951.449
TỔNG CỘNG	46.401.126	56.951.449
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 11)	21.531.811	19.505.467
Vay dài hạn	24.869.315	37.445.982

Khoản vay dài hạn từ ngân hàng bao gồm:

Hợp đồng vay số	Số cuối năm Ngàn VNĐ	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 8 và 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Hội sở				
14118	33.528.481	60 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2007 đến ngày 21 tháng 12 năm 2012	16,50	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc
LD0928200269	2.333.455	60 tháng kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2009 đến ngày 14 tháng 10 năm 2014	14,52	Máy móc thiết bị

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

Hợp đồng vay số	Số cuối năm Ngân VNĐ	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 8 và 9)
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Ông Ích Khiêm</i>				
OIK.DN.01260310	2.858.400	45 tháng từ ngày 10 tháng 4 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,50	Máy móc thiết bị
OIK.DN.02040510	1.457.176	44 tháng từ ngày 10 tháng 5 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,50	Máy móc thiết bị
OIK.DN.01020210	1.260.769	47 tháng từ ngày 10 tháng 2 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,50	Máy móc thiết bị
OIK.DN.01220110	1.219.787	47 tháng từ ngày 10 tháng 2 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,50	Máy móc thiết bị
OIK.DN.01060910	1.114.110	40 tháng từ ngày 10 tháng 9 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,50	Máy móc thiết bị
OIK.DN.01140110	813.210	47 tháng từ ngày 10 tháng 2 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,50	Máy móc thiết bị
OIK.DN.02081209	635.020	48 tháng từ 10 tháng 1 năm 2010 đến 10 tháng 12 năm 2013	15,50	Máy móc thiết bị
OIK.DN.01011010	232.429	39 tháng từ ngày 10 tháng 10 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,50	Máy móc thiết bị
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn</i>				
01/06/HĐ	948.289	Ngày 1 tháng 6 năm 2011	Lãi suất tiền gửi 12 tháng công 3,12% năm	Máy móc thiết bị
TỔNG CỘNG	46.401.126			

Tập đoàn sử dụng tiền vay nhằm mục đích đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngắn quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngân VNĐ
Năm trước:							
Số dư đầu năm	155.000.000	130.654.353	(599.400)	9.719.333	6.438.430	22.060.164	323.272.880
Cổ phiếu quỹ mua vào trong năm	-	-	(387.800)	-	-	-	(387.800)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	-	100.000	800.000	-	-	-	900.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	58.620.833	58.620.833
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(15.455.420)	(15.455.420)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4.694.904)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	2.347.452	2.347.452	(8.016.135)	(8.016.135)
Chi thủ lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(115.686)	(115.686)
Số dư cuối năm	155.000.000	130.754.353	(187.200)	12.066.785	8.785.882	52.398.852	358.818.672
Năm nay:							
Số dư đầu năm	155.000.000	130.754.353	(187.200)	12.066.785	8.785.882	52.398.852	358.818.672
Cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	-	62.520	187.200	-	-	-	249.720
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	71.108.484	71.108.484
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(27.782.830)	(27.782.830)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(5.862.085)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	2.931.042	2.931.043	(9.366.341)	(9.366.341)
Chi thủ lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.466.000)	(1.466.000)
Số dư cuối năm	155.000.000	130.816.873	-	14.997.827	11.716.925	79.030.080	391.561.705

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Vốn cổ phần

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Ngân VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Ngân VND</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	15.500.000	155.000.000	15.500.000	155.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.500.000	155.000.000	15.500.000	155.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-	(9.360)	(93.600)
Cổ phiếu đang lưu hành				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.500.000	155.000.000	15.490.640	154.906.400

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (Ngân VND)	71.108.484	58.620.833
Số lượng cổ phiếu bình quân	15.490.924	15.465.882
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.590	3.790

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngân VNĐ Năm trước
Tổng doanh thu gộp	821.332.458	633.590.880
Trong đó:		
Doanh thu từ bán thành phẩm	626.144.355	521.122.574
Doanh thu từ bán hàng hóa	194.876.486	112.468.306
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	311.617	-
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại của thành phẩm	(7.553.113)	(7.890.293)
Hàng bán bị trả lại của hàng hóa	(411.751)	(340.225)
Doanh thu thuần	813.367.594	625.360.362
Trong đó:		
Doanh thu từ bán thành phẩm	618.591.242	513.232.281
Doanh thu từ bán hàng hóa	194.464.735	112.128.081
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	311.617	-

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngân VNĐ Năm trước
Lãi tiền gửi	3.567.802	4.939.178
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.971.479	1.033.229
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.863.693	-
Cổ tức được chia	1.200.604	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	729.253	2.121.399
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	2.582.063
TỔNG CỘNG	9.332.831	10.675.869

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngân VNĐ Năm trước
Chi phí lãi vay	23.170.806	12.390.630
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.972.760	5.617.939
Dự phòng giảm giá đầu tư	5.232.549	3.268.492
Lỗ từ hoạt động đầu tư	750.939	121.860
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	131.908	-
Chi phí khác	-	30.137
TỔNG CỘNG	35.258.962	21.429.058

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Thu nhập khác		
Thu từ bồi thường hàng hóa hư hỏng	2.286.682	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	863.386	1.982.124
Các khoản thu khác	2.104.076	733.431
	5.254.144	2.715.555
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(853.489)	(2.700.164)
Các khoản chi phí khác	(1.822.239)	(71.976)
	(2.675.728)	(2.772.140)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.578.416	(56.585)

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tập đoàn là 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành ("TLLT") như được trình bày ở đoạn tiếp theo.

TLLT có nghĩa vụ nộp thuế TNDN ở mức thuế suất 15% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong mười hai (12) năm đầu tiên và 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong những năm tiếp theo. TLLT được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.228.767	28.970.877
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	195.120	1.368.340
TỔNG CỘNG	25.423.887	30.339.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của năm tài chính khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận kế toán:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	93.464.441	79.023.621
<i>Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế:</i>		
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ	16.003.638	6.599.958
Các chi phí không được khấu trừ	8.447.672	12.612.029
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	345.361	-
Lỗi của các công ty con	238.779	21.020.526
Các khoản khác	150.130	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(323.659)	-
Cổ tức nhận được	(1.200.604)	(366.000)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.797.170)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.221.160)	5.530.197
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(2.787.428)	(1.827.982)
Chi phí phải trả	(5.733.304)	3.183.549
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	104.586.696	125.775.898
Lỗ năm trước chuyển sang	(3.671.629)	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	100.915.067	125.775.898
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	25.228.767	31.443.975
Thuế TNDN giảm trừ	-	(2.473.098)
Thuế TNDN ước tính sau khi giảm trừ	25.228.767	28.970.877
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	195.120	1.368.340
Thuế TNDN phải trả đầu năm	10.665.588	6.439.266
Thuế TNDN đã trả trong năm	(30.660.198)	(26.112.895)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	5.429.277	10.665.588

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
			Ngân VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ	5.693.994	-	5.693.994	-
Chi phí phải trả	1.903.687	2.955.411	(1.051.724)	759.467
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	886.572	1.441.862	(555.290)	1.382.854
Dự phòng trợ cấp thôi việc	155.153	140.785	14.368	96.816
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	65.863	-	65.863	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	449.292	(449.292)	449.292
Lỗi năm trước chuyển sang	-	113.980	(113.980)	113.980
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(42.397)	654.460	(696.857)	(456.994)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.662.872	5.755.790		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			2.907.082	2.345.415

20.4 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗi năm trước chuyển sang

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành và Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Tây đối với lỗi năm trước chuyển sang do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 29.308.843 ngàn VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 32.741.693 ngàn VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Ngân VNĐ	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2010	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
2008	2013	10.138.013	(3.671.629)	6.466.384
2009	2014	22.603.680	-	22.603.680
2010	2015	238.779	-	238.779
TỔNG CỘNG		32.980.472	(3.671.629)	29.308.843

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn cho giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2010 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các cam kết thuê hoạt động thể hiện giá trị khoản thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Đến 1 năm	12.719.746	2.148.043
Từ 1 - 5 năm	20.502.999	5.256.820
Trên 5 năm	4.231.144	-
TỔNG CỘNG	37.453.889	7.404.863

22. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 12 tháng 1 năm 2011, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận số 02/GCN-UBCK chấp thuận cho Công ty được phát hành thêm 3.825.000 cổ phiếu. Công ty đang trong quá trình phát hành các cổ phiếu mới này tại ngày lập các báo cáo này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

23. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày như số liệu tương ứng, đã được phân loại lại theo hình thức trình bày của năm hiện hành.


Kế toán trưởng
Hồ Ngọc Cảnh


Tống Giám đốc
Võ Văn Thành Nghĩa

Ngày 31 tháng 3 năm 2011